

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa và Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở

Thực hiện Quyết định số 287/QĐ-TTr ngày 07/7/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa và Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở; ngày 29/7/2022, ngày 01/8/2022 và ngày 17/8/2022, Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Sở) và Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/8/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về địa phương

Thanh Hóa là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, dân số hơn 3,64 triệu người; diện tích tự nhiên 11.120 km², gồm 27 huyện, thị xã, thành phố (11 huyện miền núi, 12 huyện đồng bằng, trung du, miền biển, 02 thị xã và 02 thành phố) với 559 xã, phường, thị trấn. Thanh Hóa có nhiều dân tộc sinh sống trên địa bàn, với phần lớn là người dân tộc Kinh; là tỉnh có dân số trẻ với tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên trên 2,36 triệu người (chiếm 64,8% dân số); tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 71%.

Số lượng đơn vị, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có sử dụng lao động tính đến hết ngày 30/6/2022 là 20.300 đơn vị với tổng số lao động là 470.000 người; trong đó có 9.716 đơn vị, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia BHTN với tổng số lao động tham gia là 374.721 người.

2. Thông tin chung về Sở và Trung tâm

2.1. Thông tin về Sở

- Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp (trừ mảng sư

phạm); bảo hiểm xã hội (BHXH); an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Về cơ cấu tổ chức của Sở như sau:

+ Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc;

+ Có 09 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Văn phòng, Thanh tra, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Người có công, Phòng Lao động - Việc làm, Phòng Bảo trợ xã hội, Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới, Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội và Phòng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Có 12 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, trong đó Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận, trình Lãnh đạo Sở giải quyết các chế độ về BHTN.

+ Tổng số công chức, viên chức, người lao động của Sở là 731 người.

2.2. Thông tin về Trung tâm

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm:

- Giám đốc và 02 Phó giám đốc.

- 05 Phòng chuyên môn: Phòng Tổ chức hành chính - Kế toán tài chính; Phòng Tư vấn - Giới thiệu việc làm; Phòng Dự báo - Thông tin thị trường lao động; Phòng Đào tạo - Tư vấn xuất khẩu lao động và Phòng BHTN.

- 06 chi nhánh tại các huyện: huyện Ngọc Lặc, huyện Vĩnh Lộc, huyện Nông Cống, huyện Thọ Xuân, thị xã Bỉm Sơn và thị xã Nghi Sơn.

- Tổng số viên chức, người lao động của Trung tâm là 68 người, trong đó: 14 viên chức; 54 người lao động (người lao động hưởng lương từ Quỹ BHTN theo định suất là 34 người).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BHTN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BHTN

1.1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN

Sở đã phối hợp với các cấp, ngành trên địa bàn tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT trên địa bàn, một số văn bản ban hành trong quá trình thanh tra:

- Công văn số 1371/SLĐTĐBXH-GDNN ngày 12/5/2021 của Sở về việc triển khai Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia BHTN.

- Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách BHTN”.

- Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN

Sở đã phối hợp với các ngành, cơ quan trên địa bàn để tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN trên địa bàn; đồng thời, giao Trung tâm trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về BHTN. Trong thời kỳ thanh tra, công tác tuyên truyền đã được thực hiện như sau:

- Lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN cho người lao động và người sử dụng lao động thông qua các sản phẩm giao dịch việc làm định kỳ tại Trung tâm. Đăng tải các thông tin về BHTN trên Website và trang Fanpage của Trung tâm để tuyên truyền đến người lao động, người sử dụng lao động.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng chương trình, phóng sự tuyên truyền về BHTN; phối hợp với Báo Thanh Hóa, Báo Văn hóa và Đời sống thực hiện bài viết, phóng sự đưa tin, tuyên truyền về chính sách BHTN tại các cơ quan, đơn vị.

+ Năm 2021: đăng tải 02 bài tuyên truyền về chính sách BHTN trên Báo Lao động và Xã hội, Báo Thế giới và Việt Nam.

+ Năm 2022: đăng tải 02 bài tuyên truyền về chính sách BHTN trên Báo Thanh Hóa, Báo Lao động và Xã hội.

- Thực hiện cấp phát tờ rơi, phướn, pano, tờ áp phích, bàn giao sách “Chỉ mục các quy định pháp luật về BHTN” và “Sổ hướng dẫn nghiệp vụ BHTN” cho người sử dụng lao động, người lao động:

+ Năm 2021: in 13.000 tờ rơi, 145 pa nô, 145 áp phích tuyên truyền chính sách BHTN tại các đơn vị cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

+ Năm 2022: in 13.500 tờ rơi, 100 pa nô, 120 áp phích tuyên truyền chính sách BHTN tại các đơn vị cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

1.3. Công tác chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, trung tâm, các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Sở đã chỉ đạo Trung tâm thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHTN; bố trí nhân sự, cơ sở vật chất để thực hiện chính sách BHTN; giám sát hoạt động tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình Lãnh đạo Sở phê duyệt giải quyết chế độ BHTN theo quy định. Nắm bắt các thông tin phản hồi từ phía người lao động, người sử dụng lao động, đảm bảo thực hiện các chế độ đối với người thất nghiệp; nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp đầy đủ thông tin về việc làm, chế độ quyền lợi, trách nhiệm của người lao động.

1.4. Phối hợp giữa ngành Lao động - Thương binh và Xã hội với cơ quan bảo hiểm và các cấp, ngành có liên quan trong việc thực hiện chính sách BHTN

- Sở và BHXH tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng Chương trình phối hợp giai đoạn 2017-2020 (Văn bản số 436/CTPH-BHXH-SLĐTBXH ngày 10/5/2017 về Chương trình phối hợp giữa BHXH tỉnh và Sở LĐTBXH giai đoạn 2017-2020) trong đó có việc phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn, qua đó, kịp thời giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện, phục vụ tốt nhu cầu của người lao động.

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra, giữa Sở và BHXH tỉnh Thanh Hóa hiện chưa xây dựng chương trình phối hợp thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn trong giai đoạn tiếp theo.

- Thông qua các đợt phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành với cơ quan BHXH nhằm tăng cường công tác thu nộp bảo hiểm, chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm.

- Hằng tháng, BHXH tỉnh đã phối hợp với Trung tâm rà soát, kiểm tra đối với những trường hợp người hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) đang tham gia đóng BHXH.

1.5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện pháp luật về BHTN

- Sở đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình thực hiện chính sách pháp luật về BHTN gửi Bộ LĐTBXH, UBND tỉnh theo quy định.

- Trung tâm đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm và các báo cáo nhanh về tình hình thực hiện chính sách pháp luật BHTN về Sở LĐTBXH và báo cáo Cục Việc làm.

Báo cáo định kỳ của tháng 01 và tháng 02 của Trung tâm về việc thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn chậm so với quy định (ban hành sau ngày 03 hằng tháng).

1.6. Lưu trữ hồ sơ về BHTN

Trung tâm đã bố trí kho lưu trữ hồ sơ riêng, bố trí các giá để hồ sơ tránh mối, mọt. Hồ sơ về BHTN được Trung tâm lưu trữ theo từng bộ hồ sơ riêng, theo thứ tự thời gian, thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết chế độ.

2. Tình hình thu, nộp BHTN tại địa phương

STT	Nội dung	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022
1	Số đơn vị đã tham gia BHTN/ Số đơn vị thuộc đối tượng tham gia BHTN (<i>đơn vị</i>)	9.784/13.101	9.716/13.033
2	Số người đã tham gia BHTN/ Số người thuộc diện phải tham gia BHTN (<i>người</i>)	370.043/374.011	374.721/397.324
3	Số đơn vị chậm đóng BHTN/Số đơn vị phải tham gia (<i>đơn vị</i>)	1.899/9.784	3.228/9.716
4	Số tiền BHTN đã nộp/tổng số tiền BHTN đơn vị sử dụng lao động phải nộp (<i>đồng</i>)	347.658.391.547/ 353.654.551.108	123.724.000.000/ 132.434.480.270
5	Tổng số tiền các đơn vị chậm đóng BHTN (<i>đồng</i>)	5.996.159.561	8.710.480.270

- Lý do chậm đóng BHTN tại các đơn vị: chủ yếu do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, hầu hết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, một số đơn vị ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán; một số doanh nghiệp chậm được thanh toán vốn các hợp đồng, công trình, dự án đã thực hiện dẫn đến không thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc thu nộp BHTN.

3. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị và ban hành quyết định về chính sách BHTN

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm đã tiếp nhận, thẩm định, trình Giám đốc Sở ban hành các văn bản, quyết định thực hiện các chế độ BHTN cho người lao động, cụ thể như sau:

- Số hồ sơ đề nghị hưởng BHTN: 34.846 hồ sơ (năm 2021 là 21.347 hồ sơ, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 13.499 hồ sơ).

- Số quyết định hưởng BHTN: 33.550 quyết định (năm 2021 là 20.918 quyết định, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 12.632 quyết định).

- Thời hạn giải quyết hưởng BHTN kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: đảm bảo quy định.

- Đã ban hành quyết định giải quyết cho 256 người lao động chuyển hưởng BHTN đi địa phương khác (năm 2021 là 121 người, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 135 người).

- Đã tiếp nhận, giải quyết cho 346 người lao động chuyển hưởng BHTN từ địa phương khác chuyển đến (năm 2021 là 230 người, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 116 người).

- Đã ban hành 1.619 quyết định tạm dừng hưởng BHTN (năm 2021 là 1.098 quyết định, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 521 quyết định).

- Đã ban hành 605 quyết định tiếp tục hưởng BHTN (năm 2021 là 425 quyết định, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 180 quyết định).

- Đã ban hành 34.510 quyết định chấm dứt hưởng BHTN (năm 2021 là 24.773 quyết định, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 9.737 quyết định) với các lý do: hết thời gian hưởng, có việc làm, không thông báo tìm kiếm việc làm trong 03 tháng liên tục, bị xử phạt vi phạm hành chính về BHTN, hưởng chế độ hưu trí, chết.

- Tổng số tiền TCTN đã chi 516.455.244.849 đồng (năm 2021 là 298.919.156.012 đồng, từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022 là 217.536.088.837 đồng).

- Đã ban hành 491 quyết định hủy hưởng TCTN (năm 2021 là 303 quyết định, 01/01/2022 đến đến 30/6/2022 là 188 quyết định).

- Việc thu hồi tiền hưởng TCTN không đúng quy định:

Năm	Phải thu hồi		Đã thu hồi		Còn phải thu hồi	
	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)
2021	97	455.109.401	88	404.656.411	9	50.452.590
6 tháng đầu năm 2022	32	184.769.167	29	169.992.927	3	14.776.440
Cộng	129	639.878.768	117	574.649.338	12	65.229.030

Từ 01/01/2021 đến 30/6/2022, Sở đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan để thu hồi đối với 117 người với tổng số tiền là 574.649.338 đồng.

- Danh sách 12 đối tượng chưa thu hồi tiền hưởng TCTN:

STT	Họ và tên	Số tiền phải thu hồi thông qua các hoạt động		Năm thực hiện các hoạt động dẫn đến thu hồi	Số tiền thực tế phải thu hồi sau khi rà soát, đối chiếu (đồng)	Số tiền chưa thu hồi được	
		Hoạt động rà soát	Lý do thu hồi			Số tiền (đồng)	Lý do chưa thu hồi được (nêu cụ thể: chết, mất tích, không liên lạc được với đối tượng cần thu hồi, không chấp hành việc nộp lại tiền thu hồi,...)
1	Phan Thị Hiền	2,093,120	Có việc làm trong thời gian hưởng TCTN	2021	2,093,120	2,093,120	Không liên lạc được
2	Lê Thị Loan	3,351,000	Có việc làm trong thời gian hưởng TCTN	2021	3,351,000	3,351,000	Không liên lạc được

3	Nguyễn Thị Thanh	6,696,000	Có việc làm trước ngày hưởng TCTN	2021	6,696,000	6,696,000	Không liên lạc được
4	Trình Thị Thanh	7,604,400	Có việc làm trước ngày hưởng TCTN	2021	7,604,400	7,604,400	Không liên lạc được
5	Trình Thị Thủy	2,878,650	Có việc làm trong thời gian hưởng TCTN	2021	2,878,650	2,878,650	Đã liên lạc thông báo nhưng chưa đến nộp
6	Lâm Thị Thủy	1,981,000	Có việc làm trong thời gian hưởng TCTN	2021	1,981,000	1,981,000	Không liên lạc được
7	Vũ Thị Lương	5,797,620	Có việc làm trước ngày hưởng TCTN	2021	5,797,620	5,797,620	Đã liên lạc thông báo nhưng chưa đến nộp
8	Lê Đình Sơn	15,298,800	Có việc làm trước ngày hưởng TCTN	2021	15,298,800	15,298,800	Không liên lạc được
9	Nguyễn Thị Mai Nhung	4,752,000	Có việc làm trước ngày hưởng TCTN	2021	4,752,000	4,752,000	Không liên lạc được
10	Lê Thị Hằng	8,266,800	Đã chết nhưng vẫn được chi tiền qua ATM	2022	8,266,800	8,266,800	Đã liên lạc thông báo nhưng chưa đến nộp
11	Vũ Thị Đào	2,837,640	Có việc làm trong thời gian hưởng TCTN	2022	2,837,640	2,837,640	Đã liên lạc thông báo nhưng chưa đến nộp
12	Nguyễn Thị Ngọc	3,672,000	Có việc làm trong thời gian hưởng TCTN	2022	3,672,000	3,672,000	Đã liên lạc thông báo nhưng chưa đến nộp
TỔNG						65.229.030	

* Kiểm tra hồ sơ giải quyết chế độ BHTN, Đoàn thanh tra ghi nhận một số nội dung sau:

- Trung tâm sử dụng Phiếu hẹn trả kết quả (giải quyết đề nghị hưởng TCTN/hỗ trợ học nghề) không đúng mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về BHTN (gọi tắt là Nghị định số 61/2020/NĐ-CP).

- Quyết định tạm dừng hưởng TCTN, trong đó, ngày tạm dừng hưởng không phải là ngày đầu tiên của tháng bị tạm dừng hưởng TCTN (quyết định tạm dừng hưởng TCTN của các quyết định hưởng số: 4023/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/3/2022, 3903/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/4/2022, 3967/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/3/2022).

- Hồ sơ giải quyết chấm dứt hưởng TCTN không có bản sao hợp đồng lao động làm căn cứ xác định thời điểm người lao động có việc làm (hồ sơ giải quyết chấm dứt hưởng TCTN của các quyết định hưởng số: 1587/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/01/2022, 1409/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/01/2022, 7421/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/5/2021, 1691/QĐ-SLĐTBXH ngày 07/2/2022, 1694/QĐ-SLĐTBXH ngày 07/2/2022, 1400/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/01/2022, 1694/QĐ-SLĐTBXH ngày

07/02/2022, 2079/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/02/2022, 2060/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/02/2022, 2083/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/02/2022).

- Trung tâm chưa bàn giao sổ bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh quản lý đối với hồ sơ hủy quyết định hưởng TCTN mà người lao động không đến Trung tâm nhận lại hồ sơ trong vòng 03 tháng kể từ ngày hết hạn trả kết quả giải quyết chế độ TCTN (sổ bảo BHXH số 2556/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/2/2022, số 2573/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/2/2022).

- Quyết định chấm dứt hưởng TCTN không nêu đầy đủ lý do chấm dứt hưởng đối với các trường hợp có việc làm nhưng không thông báo theo quy định (những trường hợp này không được bảo lưu thời gian tham gia TCTN), cụ thể: lý do chấm dứt hưởng ghi là "*Có việc làm*"; lý do chấm dứt hưởng phải ghi đầy đủ là "*Có việc làm và không thông báo có việc làm theo quy định*" (Quyết định số 693/QĐ-SLĐTBXH ngày 01/12/2021, có việc làm ngày 22/11/2021, thông báo tìm kiếm việc làm ngày 30/11/2021; Quyết định số 7421/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/5/2021, có việc làm ngày 15/10/2021, thông báo tìm kiếm việc làm ngày 28/10/2021; Quyết định số 1738/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/02/2022, có việc làm ngày 16/3/2022, thông báo tìm kiếm việc làm ngày 28/03/2022; Quyết định số 2083/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/02/2022, có việc làm ngày 01/3/2022, thông báo tìm kiếm việc làm ngày 18/5/2022).

4. Tình hình quyết toán chi phí quản lý BHTN

Kinh phí quản lý BHTN từ nguồn Quỹ BHTN được Bộ LĐTBXH (Cục Việc làm) phân bổ, giao trực tiếp cho Trung tâm quản lý và sử dụng, cụ thể:

* **Kinh phí năm 2021** (chưa được Cục Việc làm phê duyệt quyết toán):

- Kinh phí năm 2020 chuyển sang: 1.847.160.379 đồng.
- Kinh phí được giao năm 2021: 9.841.290.000 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 11.688.450.379 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 7.722.796.000 đồng.
- Kinh phí giảm trong kỳ: 459.627.000 đồng.
- Kinh phí sử dụng trong năm, đã duyệt quyết toán: 6.862.403.844 đồng.
- Kinh phí còn dư, chuyển năm sau: 4.366.419.535 đồng.

(Tại thời điểm thanh tra, chứng từ kế toán được lưu tại Cục Việc làm để phục vụ công tác quyết toán).

* **Kinh phí năm 2022 (đến 30/6/2022):**

- + Kinh phí năm 2022: chưa được giao dự toán.
- + Kinh phí tạm cấp: 2.669.051.000 đồng.
- + Kinh phí đã sử dụng: 2.599.956.830 đồng.
- + Kinh phí còn lại là: 69.094.170 đồng.

* Các nội dung khác:

- Giám đốc Trung tâm đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để áp dụng:

+ Năm 2021: Quyết định số 03/QĐ-TTĐVVL ngày 12/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Dịch vụ việc làm năm 2021.

+ Năm 2022: Quyết định số 09/QĐ-TTĐVVL ngày 07/01/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Dịch vụ việc làm năm 2022.

- Tiền lương đối với cán bộ làm công tác BHTN đã được Trung tâm chi trả theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

- Trung tâm đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động.

5. Tư vấn, giới thiệu việc làm

- Việc bố trí nhân sự, cơ sở vật chất để tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người hưởng BHTN:

+ Về nhân sự: đã bố trí 46 người (34 người làm việc tại văn phòng Trung tâm và 12 người làm việc tại 06 văn phòng đại diện tại các huyện, thị xã) thực hiện tư vấn giới thiệu việc làm cho người hưởng BHTN.

+ Về cơ sở vật chất: đã bố trí cán bộ, cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa của Trung tâm và các văn phòng đại diện tại các huyện, thị xã thực hiện công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người hưởng BHTN.

- Số người được tư vấn giới thiệu việc làm/số người hưởng BHTN:

+ Số người được trực tiếp tư vấn giới thiệu việc làm là 33.497 người (năm 2021: 22.117 người; 6 tháng đầu năm 2022: 11.380 người; thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Trung tâm đã tiếp nhận hồ sơ trực tuyến hoặc qua thư).

+ Số người hưởng BHTN: 33.550 người (năm 2021: 20.918 người; 6 tháng đầu năm 2022: 12.632 người).

- Người lao động đang đóng BHTN bị chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có nhu cầu tìm kiếm việc làm đã được Trung tâm tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí.

6. Hỗ trợ học nghề

6.1. Hỗ trợ học nghề đối với người lao động

- Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia dạy nghề cho lao động hưởng BHTN: 03 cơ sở với 21 lao động hưởng BHTN tham gia học nghề tại cơ sở; tổng số tiền đã quyết toán là 147.000.000 đồng, cụ thể:

Stt	Cơ sở đào tạo nghề	Kỳ báo cáo	
		2021	6 tháng đầu năm 2022
1	Trung tâm dạy nghề tư thục Tuấn Hiền	09	0
2	Trường trung cấp nghề GTVT Thanh Hóa	06	04
3	Trường Cao đẳng nghề kinh tế - công nghệ Vicet	01	01
4	Tổng số người được hỗ trợ	16	05
5	Tổng số tiền chi hỗ trợ học nghề (triệu đồng)	114	33

- Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm không tổ chức dạy nghề cho người lao động.

- Số người hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề: 21 người/tổng số người được hưởng TCTN là 33.550 người; thời gian hỗ trợ học nghề từ 03 tháng đến 06 tháng, mức hỗ trợ học nghề trước ngày 15/5/2021 là 1.000.000 đồng/tháng, sau ngày 15/5/2021 là 1.500.000 đồng/tháng; số tiền đã quyết toán: 147.000.000 đồng.

- Thời hạn giải quyết hỗ trợ học nghề của cơ quan lao động, kể từ ngày nhận được đề nghị hỗ trợ học nghề của người thất nghiệp: từ 03 đến 06 tháng.

6.2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa không phát sinh việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

6.3. Việc thu hồi tiền hỗ trợ học nghề không đúng quy định

Không có trường hợp nào phải thu hồi

7. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

7.1. Công tác thanh tra thực hiện pháp luật BHXH, BHTN

- Công tác thanh tra về pháp luật BHXH, BHTN được lồng ghép trong công tác thanh tra về lĩnh vực lao động, việc làm của Sở.

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở đã thực hiện thanh tra (theo kế hoạch) việc thực hiện pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động, BHXH, BHTN tại 52 doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động (năm 2021: 33 doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; 6 tháng đầu năm 2022: 19 doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động). Kết thúc các cuộc thanh tra, đã ban hành 52 Kết luận thanh tra, trong đó có 41/52 kết luận có kiến nghị liên quan đến lĩnh vực BHXH, BHTN với tổng số 62 kiến nghị, trong đó:

+ Kiến nghị về hợp đồng lao động không ghi cụ thể tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BHTN: 24 kiến nghị.

+ Kiến nghị về tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ số lượng lao động: 14 kiến nghị.

+ Kiến nghị về chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN: 12 kiến nghị.

+ Kiến nghị về điều chỉnh chức danh nghề làm cơ sở đóng BHXH: 10 kiến nghị.

+ Kiến nghị số quản lý lao động chưa ghi đúng quy định: 02 kiến nghị.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị:

+ Số kiến nghị đã thực hiện: 36 kiến nghị.

+ Số kiến nghị chưa thực hiện: 26 kiến nghị, trong đó 17 kiến nghị chưa hết thời hạn thực hiện; 09 kiến nghị tại 06 doanh nghiệp đã hết thời hạn thực hiện kiến nghị nhưng chưa có báo cáo kết quả thực hiện, Thanh tra Sở đã ban hành văn bản đôn đốc thực hiện kiến nghị.

- Thanh tra Sở đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra tại 08 doanh nghiệp, ban hành 08 kiến nghị yêu cầu các doanh nghiệp tiếp tục thực hiện kiến nghị đã được chỉ ra trong kết luận thanh tra hoặc có biện pháp khắc phục để không tái diễn vi phạm.

- Xử lý vi phạm hành chính về BHXH, BHTN:

+ Trong thời kỳ thanh tra, Sở không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức về nội dung liên quan đến lĩnh vực BHXH, BHTN.

+ Đã xử lý vi phạm hành chính đối với 27 cá nhân với tổng số tiền xử phạt là 34.000.000 đồng (hành vi người lao động bị xử phạt là “người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không thông báo theo quy định với Trung tâm Dịch vụ việc làm khi có việc làm” và “kê khai không đúng sự thật hoặc sửa chữa, tẩy xóa làm sai sự thật những nội dung có liên quan đến việc hưởng BHXH, BHTN mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”. Người lao động đã nộp đầy đủ số tiền xử phạt vi phạm hành chính về Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

+ Biên bản vi phạm hành chính chưa được người lập biên bản và người vi phạm ký từng trang (ký trang 2, chưa ký trang 1).

7.2. Công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở và Trung tâm không tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền về nội dung về BHXH, BHTN.

- Tiếp nhận 07 kiến nghị, phản ánh liên quan tới lĩnh vực BHXH (lĩnh vực BHTN không có), Sở đã có văn bản hướng dẫn, trả lời đối với người kiến nghị, phản ánh theo thẩm quyền.

7.3. Kết quả các đoàn thanh tra, kiểm tra về BHXH, BHYT đối với Sở LĐTBXH tỉnh Thanh Hóa và Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở

Trong thời kỳ thanh tra, không có đoàn thanh tra, kiểm tra về nội dung liên quan tới lĩnh vực BHXH, BHYT đối với Sở và Trung tâm.

7.4. Kiểm tra xác suất một số hồ sơ thanh tra

* Kiểm tra hồ sơ thanh tra theo Quyết định số 673/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/3/2022 của Giám đốc Sở: tiến hành thanh tra 12 doanh nghiệp, thời kỳ thanh tra từ năm 2020 đến thời điểm thanh tra, thời gian thanh tra tại mỗi doanh nghiệp là 01 ngày (kể cả thời gian công bố Quyết định thanh tra), kết quả cụ thể:

- Theo báo cáo kết quả thanh tra, đoàn thanh tra đã thực hiện thanh tra tại 10/12 doanh nghiệp, 02 doanh nghiệp không thực hiện thanh tra do: Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-Hồ Grom Sông Âm đã được BHXH tỉnh Thanh Hóa thanh tra và Nhà máy Bia Nghi Sơn dừng hoạt động.

- Đã lập và phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra ngày 21/3/2022 đầy đủ các nội dung.

- Đã lập Quyết định giám sát ngày 22/3/2022; đã lập và phê duyệt kế hoạch giám sát ngày 28/3/2022 đầy đủ nội dung.

- Đoàn thanh tra đã lập biên bản làm việc nhưng chưa áp dụng theo mẫu (không phải biên bản kiểm tra, xác minh; không có phần người lập biên bản) quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra (gọi tắt là Thông tư số 06/2021/TT-TTCTP).

- Đoàn thanh tra đã thực hiện báo cáo kết quả thanh tra tại từng doanh nghiệp gửi người ra quyết định thanh tra; đã báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra tại 10 doanh nghiệp được thanh tra gửi người ra quyết định thanh tra ngày 05/5/2022.

- Thực hiện công bố quyết định thanh tra sau 15 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra (Quyết định thanh tra ngày 17/3/2022 nhưng đến ngày 04/4/2022 đoàn thanh tra thực hiện công bố Quyết định thanh tra tại doanh nghiệp đầu tiên); ban hành một số Kết luận thanh tra khi công chức được giao giám sát đoàn thanh tra chưa lập báo cáo giám sát (báo cáo giám sát lập sau ngày ban hành Kết luận thanh tra), cụ thể:

TT	Tên doanh nghiệp	Ngày công bố, kiểm tra, xác minh	Ngày đoàn thanh tra báo cáo báo cáo	Ngày công chức được giao giám sát báo cáo	Ngày ra kết luận
1	Công ty CP Bánh kẹo Trang An - Việt Nam	04/4/2022	18/4/2022	Thực hiện báo cáo kết quả giám sát hoạt động đoàn thanh tra ngày 13/5/2022 (báo cáo	29/4/2022
2	Công ty TNHH may mặc Viễn Đông Hysky	05/4/2022	19/4/2022		29/4/2022
3	Công ty CP may BTM Thanh Hóa	06/4/2022	20/4/2022		29/4/2022
4	Công ty CP ống sợi	07/4/2022	21/4/2022		6/5/2022

	thủy tinh Nghi Sơn			chung cho các doanh nghiệp được thanh tra)	
5	Công ty TNHH May Phúc Oanh	12/4/2022	27/4/2022		12/5/2022
6	Công ty TNHH YKJ Vina	14/4/2022	28/4/2022		13/5/2022
7	Chi nhánh – Công ty TNHH Thiên Dương HD	15/4/2022	29/4/2022		13/5/2022
8	Công ty TNHH Giấy Adiana Việt Nam	18/4/2022	29/4/2022		13/5/2022
9	Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn	20/4/2022	04/5/2022		20/4/2022
10	Công ty TNHH MTV May Phúc Thịnh	22/4/2022	05/5/2022		20/5/2022

- Một số sai phạm đã được phát hiện qua thanh tra nhưng không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, cụ thể:

TT	Tên doanh nghiệp	Hành vi vi phạm
1	Công ty CP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn	Chậm đóng BHXH, BHTN tại thời điểm thanh tra là 83.802.446 đồng
2	Công ty TNHH May Phúc Oanh	+ Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 15 người + Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý luận và xử lý
3	Công ty TNHH YKJ Vina	+ Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 23 người lao động (trong đó có 4 người nước ngoài)
4	Chi nhánh - Công ty TNHH Thiên Dương HD	+ Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 52 người lao động + chậm đóng tiền BHXH, BHTN số tiền là 306.299.891 đồng
5	Công ty TNHH MTV May Phúc Thịnh	Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 03 người lao động

- Một số hành vi vi phạm đã được phát hiện qua thanh tra nhưng không nêu trong Kết luận thanh tra và chưa thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với hành vi vi phạm theo thẩm quyền, cụ thể:

TT	Tên doanh nghiệp	Hành vi vi phạm
1	Công ty CP Bánh kẹo Trang An - Việt Nam	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý
2	Công ty TNHH may mặc Viễn Đông Hysky	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý
3	Công ty CP may BTM Thanh Hóa	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý
4	Công ty TNHH YKJ Vina	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý

- Về sổ nhật ký Đoàn thanh tra: Trưởng Đoàn thanh tra chỉ ghi nội dung phân công công việc cho các thành viên trong Đoàn thanh tra, không ghi các nội dung có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra diễn ra từ khi công bố

Quyết định thanh tra đến khi ban hành Kết luận thanh tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 06/2021/TT-TTCP.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về BHTN đã được Sở và Trung tâm thực hiện

1.1. Đã thực hiện công tác tham mưu ban hành văn bản; tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách pháp luật về BHTN với nội dung và hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như: in băng rôn, cờ phướn, tờ rơi, đăng báo.

1.2. Đã phối hợp với cơ quan BHXH để thực hiện chính sách pháp luật về BHTN trên địa bàn.

1.3. Sở và Trung tâm đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, lưu trữ hồ sơ về BHTN theo quy định.

1.4. Đã thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính về BHTN kịp thời theo quy định.

1.5. Đã quản lý, sử dụng kinh phí quản lý BHTN từ quỹ BHTN đúng quy định.

1.6. Đã tổ chức công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động có nhu cầu.

1.7. Đã tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề và giải quyết kịp thời cho người lao động.

1.8. Đã tiếp nhận 07 kiến nghị, phản ánh liên quan tới lĩnh vực BHXH (lĩnh vực BHTN không có) và hướng dẫn, trả lời đối với 07/07 kiến nghị, phản ánh kịp thời theo đúng thẩm quyền.

1.9. Công tác thanh tra, kiểm tra về BHXH, BHTN được lồng ghép vào hoạt động thanh tra, kiểm tra của Sở trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn.

2. Những quy định của pháp luật về BHTN chưa được Sở và Trung tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Sở và BHXH tỉnh Thanh Hóa hiện chưa xây dựng chương trình phối hợp thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn trong giai đoạn tiếp theo.

2.2. Sở chưa chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan chức năng có liên quan tiếp tục thu hồi tiền hưởng TCTN không đúng quy định của 12 người với số tiền là 65.229.030 đồng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

2.3. Sở ban hành Quyết định tạm dừng hưởng TCTN, trong đó, ngày tạm dừng hưởng TCTN không phải là ngày đầu tiên của tháng bị tạm dừng hưởng TCTN là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN (gọi tắt là Nghị định số 28/2015/NĐ-CP), khoản 6 Điều 19 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH

hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP.

2.4. Sở ban hành quyết định chấm dứt hưởng TCTN, trong đó không nêu đầy đủ lý do chấm dứt hưởng đối với các trường hợp có việc làm nhưng không thông báo theo quy định (lý do chấm dứt hưởng đã ghi là "*Có việc làm*"; lý do chấm dứt hưởng phải ghi đầy đủ là "*Có việc làm và không thông báo có việc làm theo quy định*"), những trường hợp này không được bảo lưu thời gian tham gia BHTN, không đúng quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

2.5. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

2.5.1. Biên bản vi phạm hành chính lập đối với 27 cá nhân chưa có chữ ký từng trang của người lập biên bản vi phạm và người vi phạm (ký trang 2, chưa ký trang 1) theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.5.2. Đoàn thanh tra đã lập biên bản làm việc nhưng chưa áp dụng theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-TTCP (không phải biên bản kiểm tra, xác minh; không có phần người lập biên bản).

2.5.3 Thực hiện công bố quyết định thanh tra sau 15 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra (Quyết định thanh tra ngày 17/3/2022 nhưng đến ngày 04/4/2022 Trưởng đoàn thanh tra thực hiện công bố Quyết định thanh tra tại doanh nghiệp đầu tiên) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

2.5.4. Ban hành Kết luận thanh tra khi công chức được giao giám sát đoàn thanh tra chưa lập báo cáo giám sát (báo cáo giám sát lập sau ngày ban hành Kết luận thanh tra) là chưa đúng quy định tại Điều 35 Thông tư số 06/2021/TT-TTCP, cụ thể:

TT	Tên doanh nghiệp	Ngày công bố, kiểm tra, xác minh	Ngày đoàn thanh tra báo cáo báo cáo	Ngày công chức được giao giám sát báo cáo	Ngày ra kết luận
1	Công ty CP Bánh kẹo Tràng An - Việt Nam	04/4/2022	18/4/2022	Thực hiện báo cáo kết quả giám sát hoạt động đoàn thanh tra ngày 13/5/2022 (báo cáo chung cho các doanh nghiệp)	29/4/2022
2	Công ty TNHH may mặc Viễn Đông Hysky	05/4/2022	19/4/2022		29/4/2022
3	Công ty CP may BTM Thanh Hóa	06/4/2022	20/4/2022		29/4/2022
4	Công ty CP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn	07/4/2022	21/4/2022		6/5/2022

5	Công ty TNHH May Phúc Oanh	12/4/2022	27/4/2022	được thanh tra)	12/5/2022
---	----------------------------	-----------	-----------	-----------------	-----------

2.5.5. Một số sai phạm đã được phát hiện qua thanh tra nhưng không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 và khoản 4 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể:

TT	Tên doanh nghiệp	Hành vi vi phạm
1	Công ty CP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn	Chậm đóng BHXH, BHTN tại thời điểm thanh tra là 83.802.446 đồng
2	Công ty TNHH May Phúc Oanh	+ Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 15 người + Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý luận và xử lý
3	Công ty TNHH YKJ Vina	+ Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 23 người lao động (trong đó có 4 người nước ngoài)
4	Chi nhánh - Công ty TNHH Thiên Dương HD	+ Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 52 người lao động + chậm đóng tiền BHXH, BHTN số tiền là 306.299.891 đồng
5	Công ty TNHH MTV May Phúc Thịnh	Chưa tham gia BHXH, BHTN cho 03 người lao động

2.5.6. Một số hành vi vi phạm đã được phát hiện qua thanh tra nhưng không nêu trong kết luận thanh tra, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành và chưa thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

TT	Tên doanh nghiệp	Hành vi vi phạm
1	Công ty CP Bánh kẹo Tràng An - Việt Nam	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý
2	Công ty TNHH may mặc Viễn Đông Hysky	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý
3	Công ty CP may BTM Thanh Hóa	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý
4	Công ty TNHH YKJ Vina	Chậm đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT tháng 3 nhưng chưa đưa trong kết luận và xử lý

2.5.7. Sổ nhật ký Đoàn thanh tra chỉ ghi nội dung phân công công việc cho các thành viên trong Đoàn thanh tra, không ghi các nội dung có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra diễn ra từ khi công bố Quyết định thanh tra đến khi ban hành Kết luận thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 06/2021/TT-TTTP.

2.6. Tại Trung tâm:

2.6.1. Thực hiện báo cáo định kỳ (tháng 01, 02/2022) về việc thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn chậm so với quy định (ban hành sau ngày 03

hàng tháng) là không đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP.

2.6.2. Trung tâm sử dụng Phiếu hẹn trả kết quả (giải quyết đề nghị hưởng TCTN/hỗ trợ học nghề) không áp dụng theo Mẫu số 01 ban hành kèm Nghị định số 61/2020/NĐ-CP, không đúng quy định tại khoản 8, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

2.6.3. Trung tâm tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chấm dứt hưởng TCTN, trong đó, hồ sơ chấm dứt hưởng của người lao động có việc làm do đã giao kết hợp đồng lao động không có bản sao hợp đồng lao động để xác định ngày người lao động có việc làm, không đúng quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

2.6.4. Trung tâm chưa bàn giao sổ BHXH cho cơ quan BHXH tỉnh quản lý (đối với hồ sơ hủy quyết định hưởng TCTN mà người lao động không đến Trung tâm nhận lại hồ sơ trong vòng 03 tháng kể từ ngày hết hạn trả kết quả giải quyết chế độ TCTN), không đúng quy định điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Giám đốc Sở

1.1. Chủ trì, phối hợp cùng BHXH tỉnh Thanh Hóa xây dựng chương trình phối hợp trong giai đoạn tiếp theo nhằm phân công nhiệm vụ cụ thể của hai cơ quan, thuận tiện trong việc thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

1.2. Khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận.

1.3. Khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.3, 2.4, 2.5 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.


1.4. Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm thực hiện kiến nghị nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

2. Đối với Giám đốc Trung tâm

2.1. Khắc phục các sai sót nêu tại tiết 2.6.4 điểm 2.6 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận.

2.2. Khắc phục các sai sót nêu tại tiết 2.6.1, 2.6.2 và 2.6.3 điểm 2.6 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

Hết thời hạn thực hiện kiến nghị, yêu cầu Giám đốc Sở gửi báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các thiếu sót nêu tại Mục III Kết luận thanh tra về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./.

Nơi nhận: 

- Sở LĐTBXH tỉnh Thanh Hóa (để t/h);
- Trung tâm (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long

